

Tập 105

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ hai trăm lẻ ba.

(Sao) Phế Biệt tùng Tổng giả, dĩ bất vân “nhĩ văn”, nhi vân “ngã văn”. Lương diêu Ngã tặc thống thâu chư căn thức đẳng, dĩ Tổng cai Biệt, cố vân “ngã văn”.

(鈔)廢別從總者，以不云耳聞，而云我聞。良繇我則統收諸根識等，以總該別，故云我聞。

(Sao: “Phế Biệt, theo Tổng”: Do chẳng nói “tai nghe” mà nói “ta nghe”, ấy là vì Ngã bao gồm các Căn, Thức v.v... nên dùng Tổng để bao gồm Biệt. Vì thế, nói “ta nghe”).

Ý nghĩa của đoạn này rất rõ ràng. Chúng ta nói “mắt, tai, mũi, lưỡi, thân” là những bộ phận trên thân thể chúng ta, nói Ngã thì toàn bộ các bộ phận nhiều như vậy đều được bao gồm. Vì thế, chẳng nói là “nhĩ văn” mà nói là “ngã văn”.

(Sao) Thỉ Giáo đẳng giả.

(鈔)始教等者。

(Sao: Thỉ Giáo v.v...)

Đây là giải thích [các ý nghĩa về Ngã] theo Thỉ Giáo, Chung Giáo, và Đôn Giáo trong Đại Thừa.

(Sao) Nhược vân ngã ký vô ngã, văn diệc vô văn, thị Đại Thừa sơ môn, Thỉ Giáo ý dã.

(鈔)若云我既無我，聞亦無聞，是大乘初門，始教意也。

(Sao: Nếu nói “ngã đã là vô ngã, có nghe cũng như không nghe”, thì đó là ý nghĩa trong Thỉ Giáo, tức là bước đầu của Đại Thừa vậy).

Câu này nói về giáo nghĩa trong Thỉ Giáo. Đại Thừa Thỉ Giáo giảng về Không, hoàn toàn nói theo thể tánh. Nếu dùng thuật ngữ triết học hiện đại để nói thì Thỉ Giáo giảng về bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Bản thể là không tịch; do vậy, hết thảy hiện tượng đều là pháp được sanh bởi nhân

duyên. Phàm là “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên) sẽ chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. Vì thế, Ngã quả thật là chẳng thể được (bất khả đắc). Đã chẳng có Ngã thì ai nghe? Đương nhiên cũng chẳng có ai nghe. Đối với Không Tông của Tiểu Thừa và Bát Nhã của Đại Thừa, đều có thể nói là “*hết thấy các pháp đều Không*”, như thường nói: “*Phật diệc vô thuyết, ngã diệc vô văn*” (Phật cũng chẳng nói, ta cũng chẳng nghe), đó gọi là “*chân văn*”. Ý nghĩa này khá sâu, nhất là tông Bát Nhã trong Đại Thừa, [kinh điển thuộc] hệ thống Bát Nhã quả thật khá sâu!

Đọc Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, chúng ta thấy cư sĩ Giang Vị Nông đã nói rất rõ ràng: Trong thời đại Đường - Tống, rất ít người muốn giảng kinh Kim Cang, do nguyên nhân nào? Chỉ sợ người ta nghe xong nảy sanh hiểu lầm, đọa vào Ác Thủ Không (sai lầm do chấp trước lý Không, phủ nhận mọi sự tướng, phé bỏ tu hành) sẽ phiền toái to lớn. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn, bất khả chấp Không như giới tử*” (Thà chấp Có như núi Tu Di, chẳng chấp Không chừng bằng hạt cải). Đó là nói quý vị chấp trước Có, người ấy có thể cứu, Có là như thế nào? Có nhân, có quả, tôi thiếu quý vị chẳng dám làm chuyện xấu, sẽ làm việc thiện, thiện có thiện báo, ác có ác báo, còn cứu được! Nếu chấp trước Không, điều gì cũng đều là Không, chuyện xấu gì kẻ ấy cũng dám làm, vì sau khi làm đâu có gì, rỗng không mà! Không xong rồi, rất nhiều tệ nạn! Vì thế, cổ nhân cũng chẳng muốn giảng kinh luận Bát Nhã do sợ người nghe nếu chẳng hiểu rõ ý nghĩa thật sự, sẽ thường nảy sanh hiểu lầm.

Gần đây, người bàn luận Bát Nhã (giảng Không) rất nhiều, nói rất huyền, rất diệu, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, thật ra, kẻ ấy có Không hay chẳng? Tôi thấy kẻ ấy chẳng Không! Vì sao? Kẻ ấy rất coi trọng danh lợi, rất so đo, có thể thấy kẻ ấy chẳng Không, miệng nói Không, trong tâm chẳng Không. Kẻ ấy nói Không, chắc chắn chẳng phải là nghĩa Không trong tam thừa, vì sao? Nếu chính mình chẳng nhập cảnh giới ấy, những gì quý vị nói đều chẳng thật, giả trá! Chính mình ắt phải khế nhập cảnh giới ấy, thật sự thấu hiểu; sau đó, quý vị nói ra, ý vị sẽ khác hẳn. Hiện thời có rất nhiều kẻ nói Không, đàm huyền thuyết diệu đều là trên mặt văn tự, phần lớn là đọc mấy cuốn sách, miệng nói thao thao như nước chảy; nếu quý vị thật sự hỏi kẻ ấy mấy câu, hẳn cũng chẳng thể đáp được! Chúng ta phải hiểu điều này!

Cư sĩ Giang Vị Nông đồ công sức bốn mươi năm nơi kinh Bát Nhã rất đáng giá, quả thật, ông ta có thể thấu hiểu [Bát Nhã] đôi chút. Tuy có thể thấu hiểu đôi chút, ông ta vẫn chuyên tu Tịnh Độ, cầu nguyện vãng

sanh, đó nghĩa là gì? Thừa quý vị, đây là thật sự hiểu được nghĩa Không. Nói cách khác, kẻ chủ trương “*hết thấy đều là Không, vạn pháp đều là Không, trong ngoài đều Không*”, hủy báng Tịnh Độ, chẳng muốn cầu sanh Tịnh Độ, thật sự chẳng hiểu nghĩa Không! Mã Minh Bồ Tát, Long Thọ Bồ Tát đều là tổ sư Không Tông, nhưng những vị ấy đều phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tám tông phái của Đại Thừa Trung Quốc đều do ngài Long Thọ truyền dạy. Vì thế, ngài Long Thọ là tổ sư chung của cả tám tông, là tổ sư khai tông của tám tông phái Đại Thừa, nhưng Ngài là một người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, ta biết: Không có tông nào chẳng quy về Tịnh Độ, cuối cùng đều là chỉ quy Tịnh Độ. Chúng ta phải nên nhận biết chuyện này!

(Sao) Nhược vân tùng duyên cố Không, bất hoại giả danh, tức bất văn nhi văn, văn nhi bất văn, Chung Giáo ý dã.

(鈔)若云從緣故空，不壞假名，即不聞而聞，聞而不聞，終教意也。

(Sao: Nếu nói do các duyên nên là Không, chẳng hoại giả danh, tức là “chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng chẳng nghe” sẽ là ý nghĩa trong Chung Giáo).

Chung Giáo là giai đoạn cuối cùng của Đại Thừa, đến lúc ấy, chú trọng giảng về hiện tượng, tức là nói về Tướng. Bởi lẽ, Thi Giáo giảng về Thể. Thể là rỗng không, nhưng Thể có tướng, tướng là Có, tướng chẳng Không! Nhưng quý vị cũng chớ nên chấp trước tướng Có ấy là thật sự có! Nó đúng là có, nhưng chẳng phải là thật sự có. Nói thật ra, Phật pháp giảng về chân và vọng bằng một định nghĩa rất đơn giản, rất dễ hiểu! Phàm là “chân”, chắc chắn sẽ chẳng biến đổi, mà vĩnh viễn thường trụ, Phật pháp gọi nó là Chân. Nếu nó thường thay đổi, Phật pháp gọi nó là Giả, là giả tướng, chẳng phải là chân tướng. Chúng ta nghĩ xem có tướng nào vĩnh viễn không biến đổi? Tìm không ra! Động vật có sanh, lão, bệnh, tử, tức là chúng biến đổi trong từng sát-na. Thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, cũng biến đổi trong từng sát-na. Khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, biến xanh, ruộng dâu, vẫn là biến đổi! Nói cách khác, quý vị tìm không được thứ gì vĩnh hằng chẳng thay đổi. Do vậy, đức Phật bảo chúng ta: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Những tướng ấy đều là pháp sanh diệt, chẳng phải là thường trụ. Nói cách khác, duyên sanh, duyên diệt, là pháp được sanh bởi nhân duyên. Do nhân duyên sanh, điều này vô cùng rõ rệt, có thể nhìn thấy được. Tướng là Có, cái Có ấy là tạm thời có.

Thí dụ như trong cõi này, một người sống tới tám chín mươi tuổi; trong tám chín mươi năm đó, người ấy tồn tại, nhưng trước đó chẳng có, mà sau đó cũng chẳng có!

Chiều thứ Bảy hôm trước, tôi ở đại y viện Đài Loan, trong bệnh viện có hội Niệm Phật, rất khó có, mời tôi đến giảng diễn. Tôi thấy vậy, rất cảm động. Những bác sĩ và y tá hướng dẫn một số bệnh nhân niệm Phật, niệm rất khẩn thiết, rất khó có! Vì họ hằng ngày thấy kẻ này đi, người khác tới, thấy hiện tượng đó, nên họ cảm nhận khác hẳn chúng ta: Các bệnh nhân đang bệnh khổ. Các đồng tu bên kia (bên Mỹ) bảo tôi: Vợ cư sĩ Châu Tuyên Đức ở Los Angeles đã vãng sanh ngày Mười Ba tháng Giêng. Bà cụ năm nay chín mươi tuổi, hai vợ chồng cụ cùng tuổi. Tôi nghĩ đời người đúng là vô thường, khi tôi giảng diễn ở Los Angeles, mỗi ngày bà cụ đều đến nghe. Xa cách chừng ba tháng, cụ đã ra đi rồi, vạn pháp vô thường!

Tướng ấy là giả có, trong Phật pháp còn gọi là Diệu Hữu. “*Diệu*” là nó chẳng phải là thật; tuy chẳng thật, nhưng nó có, chẳng thể nói nó không có. Thể là Không, tướng là giả, tướng có. Tâm Kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Không là nói về Thể, nói tới bản thể; Sắc là nói về hiện tượng, Thể và hiện tượng là một. Nói cách khác, Thể là Không, Tướng cũng là Không, điều này cho chúng ta thấy: Thể lẫn Tướng đều chẳng thể chấp; hễ chấp trước thì thứ gì cũng là sai lầm! Ở đây nói: “*Duyên sanh có không*” (do các duyên sanh ra nên là Không) là nói về Tướng, nói theo phương diện Tướng.

“*Bất hoại giả danh*”: Giả danh chẳng hoại, đương nhiên giả tướng càng chẳng phá hoại. Vì thế, “*Phật pháp trên thế gian, chẳng hoại tướng thế gian. Phật pháp trên thế gian, chẳng lìa pháp thế gian*”. Người thật sự tu hành, đạo tràng ở trong tâm, chẳng ở nơi hình tướng bên ngoài. Đạo tràng ở trong lòng, lục căn tiếp xúc lục trần cảnh giới thấy đều là “tu hành”. Nói theo thực tế, bất luận tông phái nào, phương pháp tu hành cao cấp đều vốn là như vậy. Cuộc sống là Phật pháp, Phật pháp là cuộc sống, Phật pháp và cuộc sống của chúng ta hoàn toàn dung hợp thành một thể. Kinh Hoa Nghiêm giảng rõ nghĩa thú này. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm vô cùng thích hợp với con người hiện thời, nhất là phương Tây tư tưởng cởi mở, cuộc sống tự do, hoàn toàn tương ứng với cảnh giới Hoa Nghiêm, chỉ cần quý vị thật sự hiểu rõ ràng, chắc chắn người ấy sẽ đạt được sự hưởng thụ tối cao trong cuộc sống. Chẳng giống như Tiểu Thừa và Quyền Giáo chấp vào hình tướng, có nghi thức nhất định, có nghi quy nhất định, cuộc sống của Thủ Giáo Đại Thừa Bồ Tát là tu trì. Vì thế, chẳng hoại giả danh, chẳng

hoại giả tướng, chẳng hoại pháp thể gian; đây là “*chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng không nghe*”. Cớ sao nói “*chẳng nghe*”? Nói theo Lý, sẽ chẳng có nghe. Nói theo Lý, Thể là Không, Tướng là giả, lấy đâu ra nghe? Nhưng nói theo Sự thì có nghe, có Lý, có Sự! Vì vậy, “*chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng không nghe*”. Lý Sự viên dung, Lý Sự chẳng trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đây mới là viên cực, diệu cực! Đó là giáo nghĩa của Đại Thừa Chung Giáo.

(Sao) Nhược vân năng sở song tịch, vô văn bất văn, ly niệm đốn hiển, Đốn Giáo ý dã.

(鈔)若云能所雙寂，無聞不聞，離念頓顯，頓教意也。

(Sao: Nếu nói Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có Nghe và Không Nghe, lìa niệm, mau chóng hiển rõ, là ý nghĩa trong Đốn Giáo).

Đây là ý nghĩa “*vạn pháp duyên sanh*” (vạn pháp do các duyên sanh ra). Vì duyên sanh nên chúng chẳng có tự tánh. Do đó, hiển lộ hết thấy các pháp cũng là Không. Duyên sanh tỏ rõ [các pháp] vô tự tánh, duyên sanh là Năng Hiển, vô tự tánh là Sở Hiển. “*Năng Sở song tịch*” là hai bên đều tách lìa. Nghe và Chẳng Nghe là hai bên; do vậy, nói Chẳng Nghe cũng là “*Chẳng Không Nghe*”. Chữ Vô ấy bao trùm những điều sau đó. “*Vô văn, vô bất văn*” (không nghe, chẳng phải là không nghe) là rời khỏi hai bên. “*Ly niệm đốn hiển*”: Ly niệm là chân tâm, chân tâm ly niệm, ở đây, chúng ta gọi [chân tâm] là “*nhất tâm*”, tức là Lý nhất tâm bất loạn, nhất tâm bèn hiển tiền. Đó là cảnh giới rất cao, chúng ta thường gọi là “*nhất niệm bất sanh*”, Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*” là nói đến cảnh giới ấy. Người Đại Thừa viên đốn tu gì trong cuộc sống? Tu điều này, tu “*nhất niệm bất sanh*” trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Nhất niệm bất sanh là Thiên Định rất sâu, họ tu điều ấy. Chuyện bên ngoài hiểu rõ ràng, rành rẽ, đó là Tu Huệ, giữ cho Định Huệ cân bằng.

Từ xưa tới nay, các vị đại đức đều thừa nhận kinh Di Đà là pháp môn viên đốn, quý vị hiểu: Nói thật ra, người niệm Phật là tu Phật pháp cao cấp nhất, trong bất luận cảnh giới nào chỉ quan tâm một câu A Di Đà Phật, hết thấy những vọng tướng, tạp niệm khác thấy đều buông xuống, đó là Đốn! Nghe và Chẳng Nghe là hai bên, hai bên đều buông xuống, trong tâm chỉ giữ một câu Phật hiệu. Hết thấy buông xuống là Song Tịch; chỉ giữ một câu Phật hiệu là Song Chiếu, Tịch - Chiếu đồng thời. Vì thế, sức mạnh ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nay chúng ta công phu niệm Phật chẳng đắc lực, tuyệt đối chẳng phải vì pháp môn không hay, mà vì bản thân

chúng ta chẳng thể nương theo pháp môn này để tu học, lỗi lầm ở nơi chính mình, chẳng do kinh điển, chẳng do Phật, Bồ Tát! Rốt cuộc lỗi lầm ở chỗ nào? Do chúng ta chưa thể buông tham, sân, si, mạn xuống, chưa thể buông thị phi, nhân ngã xuống, chướng ngại ở chỗ này. Nếu thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn thấy đều buông xuống, há công phu chẳng đắc lực ư? Thị phi, nhân ngã là duyên bên ngoài, tham, sân, si, mạn là duyên bên trong, đều là giả, đều chẳng thật, vì sao? Thấy đều là “*duyên sanh pháp*”, tức pháp sanh bởi các nhân duyên, bản thể của chúng là Không. Chúng ta mê nơi những hiện tượng hư huyền ấy, giống như nằm mộng mà chẳng biết chính mình đang nằm mộng, coi mộng là thật, hồng lét ở chỗ này. Do vậy, công phu chẳng đắc lực.

“*Vô*” và “*ly*” đều có nghĩa là Bỏ. Nếu chúng ta có thể buông những thứ ấy xuống, tâm chúng ta lập tức thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, là bản tánh của chúng ta, là Lý nhất tâm bất loạn như kinh này đã nói. Đó là ý nghĩa Đốn Giáo, tương ứng với kinh này.

(Sao) Ngã vô ngã giả, sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh, tức Pháp Thân cố. Căn cảnh giả, văn thuyết A Di Đà Phật, năng văn, sở văn, phi nhất dị cố. Sa Bà, Cực Lạc giả, sở vị Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm cố. Dĩ thử kinh phần nhiếp u Viên, ưng quy Pháp Tánh cố.

(鈔)我無我者，生而不生，不生而生，即法身故。根境者，聞說阿彌陀佛，能聞所聞，非一異故。娑婆極樂者，所謂娑婆依正，全處極樂之自心故。以此經分攝於圓，應歸法性故。

(Sao: “Ngã, vô ngã”: Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nhưng sanh, tức là Pháp Thân. “Căn, cảnh”: Nghe nói A Di Đà Phật, chủ thể nghe và đối tượng được nghe đều chẳng phải là một hay khác. “Sa Bà, Cực Lạc” ý nói: Y báo và chánh báo cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm. Do kinh này thuộc về Viên một phần, nên phải thuộc về Pháp Tánh).

Đây là nói đến “ngã, vô ngã”, đại sư giải thích: Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nhưng sanh. Sanh là Có, sanh là Ngã; cũng có thể nói Sanh là phàm phu, vì phàm phu chấp trước Sanh. Vô Sanh là A La Hán, Tiêu Thừa. Tiêu Thừa vô ngã, do đã đoạn Ngã Chấp. A La Hán tuyệt đối chẳng còn chấp trước thân này là ta, vì Ngài đã thật sự hiểu rõ chân tướng

sự thật, không có Ngã Chấp, nhưng hãy còn Pháp Chấp. [Những lời giảng] ở chỗ này nhằm dạy chúng ta: Ngay cả Pháp Chấp cũng phải phá trừ, “*sanh nhưng chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh, chính là Pháp Thân*”. Sanh và chẳng sanh là một, chẳng hai, vì sao có phàm phu và Nhị Thừa? Vì họ chấp trước, một đằng là chấp trước sanh nên gọi là phàm phu, kẻ chấp trước bất sanh gọi là A La Hán. Nói cách khác, một đằng chấp trước hiện tượng, tướng là có, chấp trước Có; một đằng chấp trước tánh Không, Thể chẳng có, họ chấp trước Không. Giống như trong triết học hiện thời, một đằng chấp trước bản thể, một đằng chấp trước hiện tượng. Chúng ta gọi kẻ chấp trước hiện tượng là phàm phu, họ có Ngã. Kẻ chấp trước bản thể, vô ngã, chấp trước Không. Hai bên đều trật, phàm phu chúng ta sai lầm, nhưng người Nhị Thừa cũng chưa hề đúng, vẫn là sai lầm! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã quở trách A La Hán, Bích Chi Phật, gọi họ là “*tiêu nha bại chủng*” (giống mầm hư bại), đọa trong hầm sâu Niết Bàn là do ý nghĩa này!

Bồ Tát thông minh, chẳng chấp trước hai bên. Vì sao hai bên cũng chẳng chấp trước? Các Ngài hiểu đó là cùng một chuyện. Thể là Thể của Tướng, chẳng phải là ngoài Tướng có một Thể, chẳng phải vậy! Tướng là Tướng của Thể, chẳng phải là ngoài Thể có Tướng, giống như cỗ nhân đã sánh ví: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng). Vàng ở chỗ nào? Các món đồ là vàng, vàng là đồ vật. Ngoài các món đồ, há có vàng? Ngoài vàng, há có các món đồ? Vàng và các món đồ là một, chẳng hai. Do vậy, sanh và bất sanh là một, chẳng hai, hai bên cũng chẳng chấp trước. Đây là Pháp Thân, ý nghĩa Pháp Thân bèn hiện tiền! Pháp Thân là chân ngã.

“*Căn cảnh giả, văn thuyết A Di Đà Phật*” (“Căn, cảnh”: Nghe nói A Di Đà Phật), “*năng văn*” (chủ thể nghe, cái có thể nghe) là Căn, A Di Đà Phật được nghe (sở văn) là cảnh giới. Quý vị nói xem: Rốt cuộc Năng Văn và Sở Văn là một, hay là hai? Căn thân và cảnh giới rõ rệt, đương nhiên chẳng phải là một; vì thế nói là “*phi nhất*”; nhưng Căn và Trần đều từ trong Chân Như bản tánh biến hiện, vì thế nói là “*phi dị*”. Dùng Duy Thức để giảng thì Căn là Kiến Phần của A Lại Da Thức; cảnh giới bên ngoài, tức Trần, là Tướng Phần của A Lại Da. Kiến Phần và Tướng Phần do cùng một Tự Chứng Phần biến hiện. Vì thế, Tánh và Tướng cùng nguồn.

Khoa học hiện đại chưa phát triển đến trình độ này, hiện thời, họ đã biết vật chất bất diệt, biết năng lượng và vật chất có thể chuyển biến thành lẫn nhau. Khoa học hiện tại hiểu đạo lý này: “Có thể biến vật chất thành

năng lượng”, bom nguyên tử được phát minh dựa trên đạo lý này. Nhưng hiện tại họ vẫn chưa biết làm thế nào để biến năng lượng thành vật chất, khoa học gia vẫn chưa biết. Nếu biết điều ấy, sẽ thụ dụng tự tại! Đúng là chúng ta muốn gì bèn có thể biến hiện thứ ấy, vì tất cả hết thảy vật chất đều do năng lượng biến hiện. Hiện tại vẫn chưa biết cách biến! Thế chất và năng lượng của vật chất được Phật pháp gọi là Trần, vật chất và năng lượng của Lục Trần; nhưng còn có một bộ phận sợ rằng khoa học cho đến hiện thời vẫn chưa tìm ra; đó là hiện tượng tâm lý, tâm năng (năng lực của tâm), họ chẳng hiểu tâm năng và vật chất là tương đồng, là một, chẳng hai, chúng có cùng nguồn. Chính vì cùng nguồn, nên tới khi quý vị không có chướng ngại, sẽ biến hóa tự tại. Như trong Tây Du Ký viết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đó là “*tiểu vu*” (phù thủy oắt con), quá nhỏ bé! Đến khi quý vị chẳng có chướng ngại, thần thông sẽ rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị có thể biến hóa tam thiên đại thiên thế giới, chắc chắn sẽ có thể! Vì sao? Tam thiên đại thiên thế giới cũng do tâm năng của chúng ta biến hiện!

Vì thế, nhìn từ căn nguyên, chúng tương đồng, chẳng phải là hai thứ, chẳng khác biệt! Nhìn từ hiện tượng trước mắt, chúng không đồng nhất, chẳng phải là một; nhưng nhìn từ căn bản, cội nguồn, chúng lại chẳng phải là hai! Vì thế, nói “*phi nhất, phi dị*”, Lý này vô cùng sâu xa! Nhưng chúng ta có thể hiểu được thì sau khi hiểu sẽ nhập cảnh giới ấy. Nhập cảnh giới ấy, chân tướng sự thật được tỏ bày; nói cách khác, bản năng hiện tiền. Trong Phật pháp, nói đến tu hành thì vì sao một gã phàm phu có thể thành La Hán? Thành Bồ Tát? Thành Phật? Tất cả hết thảy nguyên lý tu hành căn cứ trên đâu? Căn cứ trên đạo lý này! Do vậy ta biết: Nói tới “tu hành” thì chắc chắn chẳng phải là tu trí huệ, hay tu thần thông, đạo lực, chẳng phải vậy, vì trí huệ, thần thông, đạo lực vốn sẵn đủ, rốt cuộc là tu gì vậy? Tu sửa mê hoặc, điên đảo; trí huệ, thần thông, đạo lực vốn có của chúng ta bị mê, chẳng biết, nay quý vị trừ khử mê, khôi phục bản năng (năng lực sẵn có), tu là tu những điều ấy!

Ngàn muôn phân đừng lầm lẫn, ngõ ngoài bốn tánh của chúng ta còn có trí huệ, thần thông, [tương như vậy] là làm mất rồi, biến thành ngoại đạo! Vì thế, phải hiểu ngoài tâm không có hết thảy các pháp, phải hướng vào trong tự tánh để cầu hết thảy các pháp. Do đó, Phật pháp gọi là “nội học”, cầu pháp ngoài tâm gọi là ngoại đạo. Nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Do tự tâm của chúng ta biến hiện! Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu để khai phát tự tánh. Nếu quý

vị nghĩ ngoài cái tâm này có một Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngoài tâm có A Di Đà Phật, Ngài có thể đến giúp chúng ta, vậy là quý vị đã biến thành ngoại đạo, niệm Phật mà niệm đến nỗi trở thành ngoại đạo! Ở đây, [đại sư] nói với chúng ta nhiều như thế nhằm dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm*” (y báo và chánh báo của cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm). Thế giới Sa Bà là hoàn cảnh cư trụ hiện tại của chúng ta. Mấy năm nay, tôi thường ra ngoại quốc, đối với sự học Phật của bản thân tôi rất hữu ích, tôi ngộ hiểu sâu xa, ngộ gì vậy? Mỗi ngày đều làm khách! Có nhà hay chẳng? Trở về Đài Loan, ở lâu nhất là hai tháng. Vì thế, trong quan niệm của tôi, thế giới này là lữ quán, mỗi ngày đều lữ hành. Lại suy nghĩ: Cả đời này, chúng ta lữ hành mỗi ngày, cho nên chẳng chấp trước bất cứ nơi nào, vì sao? Ở hai ngày lại phải đi, đối với con người lẫn sự việc đều rất lợt lạt. Lại suy nghĩ: Nếu chúng ta chẳng sanh Tịnh Độ, thì vẫn là lữ hành trong lục đạo. Hôm nay ở nhân đạo, ngày mai trong súc sanh đạo, ngày mốt tới địa ngục đạo; lữ hành trong sáu nơi của lục đạo, chuyển qua, chuyển lại! Sau khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Vẫn lữ hành. Tới đó thành Phật, tới mười phương thế giới hóa độ chúng sanh. Nơi nào có duyên bèn đến đó, duyên hết lại ra đi. Chân tướng của đời người là như thế. Vì thế, đối với mỗi nơi nào, người nào, những thứ chấp trước sẽ tự nhiên phai nhạt.

Phai nhạt sẽ có lợi là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Oán Tăng Hội Khổ (oán ghét mà phải gặp gỡ) chẳng có! Chẳng lưu luyến, tới tới chỗ nào, người ta hoan nghênh, gặp mặt vui vẻ, rời khỏi nơi ấy, quên sạch sành sanh! Tôi chẳng viết cho ai một lá thư nào, chẳng thể mở ra lê ấy. Vì viết thư, người ta sẽ nói: “Pháp sư viết thư cho người khác, chẳng viết thư cho tôi”. Rất phiền! Thấy đều chẳng viết, mọi người nhất loạt bình đẳng. Đó là tốt nhất! Quý vị cũng chẳng cần nghĩ tới tôi, tôi cũng chẳng nhớ tới quý vị, sạch lầu! Đi đến [một nơi nào đó], tôi sẽ gửi thông cáo, tôi gửi thông cáo bằng cách nào? Tôi đem vé máy bay photocopy ra mấy tấm, đem bản sao gửi cho họ. Họ sẽ biết khi nào tôi tới là được rồi, một chữ tôi cũng chẳng cần phải viết, thuận tiện nhất! Vì thế, thứ gì cũng lợt lạt, thật thà niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, chắc chắn có thụ dụng!

Quá khứ, ở ngoại quốc, tôi cũng đã từng nói với quý vị. Tôi nghĩ ra một phương pháp niệm Phật, tôi cảm thấy rất hữu dụng. Hiện thời, các đồng tu ngoại quốc cũng rất vui vẻ hoan nghênh. Tôi ngỡ là tôi phát minh ra, nhưng tới hôm qua, xem sách cũ, giở đến phần [Những Khai Thị

Trong] Phật Thất [của Hành Sách đại sư], thì ra trong niên hiệu Khang Hy nhà Thanh, Ngài cũng đã làm theo cách như thế! Hóa ra, cái tôi nghĩ là kiêu mới vẫn là thứ cũ, nhưng phương pháp cũ ấy hiện thời không ai đề xướng, không ai áp dụng phương pháp ấy. Tôi vừa trông thấy hết sức vui vẻ, nghiêm nhiên cổ nhân cũng dùng phương pháp này, phương pháp ấy, quả thật là tốt đẹp, đáng nên đề xướng. Nhưng hiện thời đạo tràng này của chúng ta quá nhỏ, nếu giảng đường của chúng ta to gấp đôi như thế sẽ có thể áp dụng: Một khu để nhiều Phật, một khu chỉ tĩnh, một khu lạy Phật, chia thành ba khu.

Cổ nhân dùng ba ban. Khi niệm thì cứ một ngàn câu niệm Phật luân lưu theo thứ tự thuận, tức là khi nhiều Phật phải niệm một ngàn câu Phật hiệu, niệm xong một ngàn câu Phật hiệu, quý vị bèn chỉ tĩnh (止靜)¹. Ban thứ hai ra khỏi chỗ, đi nhiều Phật, ban thứ nhất và thứ ba chỉ tĩnh; ban thứ hai đi nhiều, niệm Phật một ngàn tiếng xong, cũng chỉ tĩnh, ban thứ ba đi nhiều Phật. Cách nghĩ của vị ấy hoàn toàn giống như cách tôi nghĩ: Hễ vào Niệm Phật Đường bèn thôi trò chuyện, chỉ niệm Phật, không nói năng. Chẳng tụng kinh, cũng chẳng có xướng tán, [mọi nghi thức khác] đều không có, chỉ khởi đầu cây hương thứ nhất [trong ngày đầu tiên] là có. Sau đấy, suốt bảy ngày trong Phật Thất đều chẳng có. Pháp khí chỉ có một cái dẫn khánh và một cái mõ nhỏ, chỉ dùng hai thứ ấy. Tương lai, chúng ta in Phật Thất Nghi Quy, chúng ta sẽ đề xướng cách làm này. Nghi quy rất đơn giản, rất thực dụng, vì sao? Khi mọi người cùng nhau niệm Phật, sẽ chẳng cảm thấy có áp lực. Quý vị niệm ra tiếng một ngàn câu, khi chỉ tĩnh lắng nghe hai ngàn câu, sau đấy, lại xoay vòng đến quý vị, ba ban mà! Nghe niệm hai ngàn câu, chỉ tĩnh, dốc toàn bộ tinh thần lắng nghe. Nếu có lúc quý vị cảm thấy hôn trầm, bèn niệm thầm, hay Kim Cang trì, miệng chẳng niệm ra tiếng, chớ để chính mình hôn trầm, dùng phương pháp này.

Chữ “*Sa Bà*” chỉ thế giới hiện tại của chúng ta. “*Toàn xử Cực Lạc chi tự tâm*”, tự tâm là pháp giới, ở đây nói là tự tâm, kẻ bình phàm chúng ta thấy chữ này bèn hiểu sai ý nghĩa, tâm là gì? Nay ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, gọi đó là tâm! Chẳng phải vậy! Cái tâm ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung chẳng phải là tự tâm, mà là vọng tâm. Tự tâm là cái tâm chính quý vị vốn có, nhà Thiền gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đó là tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài A Nan đi tìm tâm, [tức là tìm] cái tâm này, đó là chân tâm. Chúng ta

¹ Chỉ tĩnh: ngồi yên lặng sau khi niệm Phật, có thể niệm thầm hay quán tưởng Phật hiệu. Chữ này thường bị đọc trại thành “chỉ tịnh”.

có một bức tranh đề kết duyên gọi là Thập Pháp Giới Đồ, chính giữa [bức tranh] là Tâm, vạn pháp duy tâm, đó gọi là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đây là chân tâm của chúng ta. Thế giới Sa Bà do tâm chúng ta biến, thế giới Cực Lạc cũng do tâm chúng ta biến. Tâm năng biến là một, thế giới được biến là hai! Thật ra, không chỉ là hai, mà vô lượng vô biên hằng sa thế giới không ra ngoài nhất tâm. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là gì? Tự tâm là Nhất Chân pháp giới. Mê tự tâm, con người thường coi cảnh giới bên ngoài là pháp giới, nên mới có mười pháp giới. Thật ra, pháp giới chẳng phải chỉ có mười, “mười” là biểu thị pháp, biểu thị ý nghĩa vô tận. Vì số đếm từ một đến mười, lại tính từ đầu, từ mười một đến hai mươi, từ hai mươi một tới ba mươi, [cho nên “mười”] biểu thị ý nghĩa vô tận. Sau khi mê, pháp giới là vô cùng vô tận. Sau khi giác ngộ, pháp giới là một, ở đây nói là “*phi nhất, phi dị*”, tức là Nhất Chân pháp giới. Vì thế, nói “*Sa Bà y chánh, toàn xứ Cực Lạc chi tự tâm*” (y báo và chánh báo của cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm).

“*Dĩ thử kinh phần nhiếp u Viên, ung quy Pháp Tánh cố*” (do kinh này thuộc về một phần Viên, nên phải quy về Pháp Tánh), đức Phật giảng kinh, Lý là một, nhưng do đối tượng thính chúng khác nhau, cho nên thuyết pháp có sai khác. Có thể nói đối tượng của bộ kinh này không gì chẳng gồm thấu, trên là gồm cả bậc Đẳng Giác Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền; dưới là ác đạo chúng sanh, ngay cả chúng sanh trong địa ngục A Tỳ cũng được bao gồm trong ấy, thật sự là mười pháp giới không gì chẳng được bao gồm. Vì thế là “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thấu*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thấu lợi căn lẫn độn căn), đây là giáo nghĩa Viên Giáo. Tuy chẳng phải là Thuần Viên, như kinh Pháp Hoa là Thuần Viên, nhưng kinh Di Đà cũng thuộc loại Viên Giáo, gọi là “*phần nhiếp u Viên*”.

Trong phần trước, chúng tôi đã từng đề cập, thuở ấy, Liên Trì đại sư có nỗi khổ rất bất đắc dĩ, Ngài sống vào những năm cuối đời Minh, thuộc niên hiệu Thiên Khải và Vạn Lịch nhà Minh. Thuở ấy, tại Trung Quốc đại lục, phong khí Thiên hết sức thịnh hành, mọi người cũng coi thường Tịnh Độ. Liên Trì đại sư là tổ sư trung hưng Tịnh Độ Tông, chẳng giống các vị tổ sư khác. Tính đến nay, [Tịnh Độ Tông] tông cộng có mười ba đời tổ sư, nhưng có thành tựu đặc thù thì chỉ có ba vị đại sư. Vị thứ nhất là vị sáng lập tông này, tức là có Huệ Viễn đại sư đời Tấn, vị thứ hai chấn hưng lần nữa là Vĩnh Minh Diên Thọ. Về sau, truyền được mấy trăm năm lại dần dần suy, Liên Trì đại sư lại chấn hưng. Đây là ba vị đại sĩ lỗi lạc của Tịnh Độ Tông. Trong tình hình ấy, phong khí nhà Thiên vô cùng

thịnh hành, ai nấy xúm xít học Thiên, Ngài chẳng thể mịch lòng kẻ khác. Mịch lòng kẻ khác sẽ có lắm chướng ngại, sẽ có nhiều kẻ chống đối. Vì thế, phải nói mềm mỏng, uyển chuyển. Nếu Ngài nói kinh này là Thuần Viên, là Cực Viên, nhất định mọi người sẽ phản đối. Vì thế, trong Sớ Sao, chỗ nào Ngài cũng trích dẫn kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, vì lẽ nào? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là Thuần Viên, [dùng cách như vậy] để đề cao địa vị kinh Di Đà, vì xen lẫn kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa vào đây [để chứng minh kinh Di Đà], mọi người sẽ chẳng thể nói kinh này chẳng phải là Viên Giáo! Đây là sự bất đắc dĩ phải rất miệng, buột lòng. Bối cảnh trong thời đại của Ngài là như vậy, cho nên lời lẽ hết sức mềm mỏng, uyển chuyển!

Thật sự hiểu rõ, Ngài biết kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là viên nhất trong các kinh Viên Giáo, là đốn nhất trong các kinh Đốn Giáo! Hiện thời có thể nói như vậy, vì hiện tại ngôn luận tự do, không ai can thiệp. Thử ấy chẳng được! Lúc đó, áp lực trong giới Phật giáo rất sâu, Ngài chịu sức ép trầm trọng, nên chỉ có thể nói là Phần Viên, tức là trong kinh có một phần thuộc về tư tưởng Viên Giáo, có một phần là lý luận Viên Giáo. Ngài nói như vậy thì người ta nghe mới còn có thể miễn cưỡng tiếp nhận!

Trên thực tế, [pháp môn Tịnh Độ] là viên nhất trong các pháp viên, vì sao? Vì Ngẫu Ích đại sư sống vào thời Liên Trì đại sư đã phục hưng Tịnh Độ [thành công], Ngài là người kế thừa, nên Ngài nói khác với Liên Trì đại sư. Ngài bảo kinh Di Đà là “*Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tủy*” (tàng sâu màu của Hoa Nghiêm, tinh tủy kín nhiệm của Pháp Hoa), Ngài nói như vậy đó! Có nghĩa là [kinh Di Đà] là pháp viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn; đề cao kinh Di Đà, vượt trội Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Quý vị phải hiểu, nếu không có cơ sở do Liên Trì đại sư [đã bồi đắp tốt đẹp], tổ Ngẫu Ích cũng chẳng dám nói như thế! Giống như xây bảo tháp, Liên Trì đại sư đã đặt vững nền tảng, tổ Ngẫu Ích có thể xây cao lên, lúc ấy mới là hoàn toàn chân thật hiển lộ. “*Ứng quy Pháp Tánh*”, nói hết sức có đạo lý, nhất là từ Di Đà Kinh Yếu Giải, tức là bản chú giải do Ngẫu Ích đại sư biên soạn, ta thấy [Tổ nói] đơn giản, thẳng thừng: [Kinh Di Đà] chẳng khác kinh Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, nhưng chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”.

(Sớ) Hoặc nghi Phật thành đạo cứu, A Nan phương thí xuất gia, hà đắc câu ngôn “ngã văn”?

(疏) 或疑佛成道久，阿難方始出家，何得俱言我聞。

(Sớ: Hoặc nghi là Phật thành đạo đã lâu, A Nan mới xuất gia, lẽ đâu [đầu các kinh] đều nói là “ta nghe”?)

Nghi vấn này, từ xưa tới nay đều có. Vì sao? Nhìn vào Phật giáo sử, hoặc đọc Thích Ca Phương Chí hay Thích Ca Phổ đều có thể nêu ra câu hỏi này. Ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, tôn giả A Nan sanh ra; tên Ngài do vua Tịnh Phạn đặt cho, tức là phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật đặt tên cho A Nan. A Nan (Ānanda) dịch nghĩa sang tiếng Hán là Khánh Hỷ, [tức là] chúc mừng hoan hỷ! Vì có người tâu với vua Tịnh Phạn: “Thái Tử đã thành Phật”, đây là chuyện vui mừng rất lớn; tiếp đó, lại có người tâu, hoàng đế² sanh con trai, hai chuyện vui xảy ra cùng lúc; vì thế, đặt tên cho Ngài là Khánh Hỷ, tức A Nan.

Sau khi thành đạo, đức Phật liền bắt đầu giảng kinh, thuyết pháp. Đức Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi, nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn hơn A Nan ba mươi tuổi. Đức Phật thuyết pháp hai mươi năm, A Nan mới xuất gia. A Nan hai mươi tuổi mới xuất gia, làm thị giả của đức Phật. Nói cách khác, những kinh đã giảng trong hai mươi năm trước đó, A Nan chưa hề nghe qua. Sau đây là hai mươi mấy năm nữa, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, A Nan tham dự những pháp hội ấy. Có sao kết tập kinh điển đều nói: “*Như thị ngã văn*”? Có thể nêu ra nghi vấn như vậy. Nghi vấn này xưa nay thường có người nhắc tới; ở đây, đại sư giải thích:

(Sớ) Cổ vị hữu tứ nghĩa cố, viết “văn” vô ngại.

(疏) 古謂有四義故，曰聞無礙。

(Sớ: Cổ nhân nói do có bốn nghĩa, nên nói là Nghe chẳng trở ngại gì).

Giải thích: Ở đây có bốn ý nghĩa, cho nên đầu các kinh, ngài A Nan có thể nói “*như thị ngã văn*”.

(Sớ) Hựu A Nan hữu tam, hoặc văn bất văn, diệt vô ngại cố.

(疏) 又阿難有三，或聞不聞，亦無礙故。

(Sớ: Lại nữa, có đến ba vị A Nan, nên dù nghe hay không nghe, cũng chẳng trở ngại gì).

² A Nan là con của Bạch Phạn Vương. Bạch Phạn Vương và Tịnh Phạn Vương là hai anh em ruột.

Chú giải như vậy, chúng ta nghe [cảm thấy] rất khó hiểu, dưới đây còn phải giải thích thêm, trong lời Sao giảng:

(Sao) Nghi giả, Phật thành đạo dĩ lịch niên nhị thập, A Nan xuất gia, hựu thập niên, phương mạng vi thị giả, tuy thân thị Phật, nhi tam thập niên tiền, Phật sở thuyết kinh, hà đắc câu xưng “ngã văn”?

(鈔)疑者，佛成道已歷年二十，阿難出家，又十年，方命為侍者，雖親侍佛，而三十年前，佛所說經，何得俱稱我聞。

(Sao: “Nghi”: Đức Phật thành đạo đã hai mươi năm, A Nan mới xuất gia, lại còn mười năm sau đó, mới được sai làm thị giả. Tuy đích thân hầu Phật, nhưng đối với những kinh đức Phật đã nói trong ba mươi năm trước đó, vì sao đều nói là “tôi nghe”?)

Đây là nêu ra đơn giản một đoạn tiểu sử của A Nan.

(Sao) Cổ đáp tứ nghĩa giả.

(鈔)古答四義者。

(Sao: Cổ nhân trả lời nghi vấn ấy bằng bốn nghĩa).

Có bốn ý nghĩa.

(Sao) Nhất triển chuyển văn.

(鈔)一展轉聞。

(Sao: Một là lần lượt nghe lại).

Tuy đức Phật giảng kinh trong quá khứ, Ngài chưa từng nghe, nhưng có những đồng học giảng cho Ngài nghe. A Nan thích đa văn, cũng rất vui thích hướng về người khác thỉnh giáo. Vì thế, do lần lượt nghe mà Ngài được nghe.

(Sao) Như Báo Ân kinh ngôn: “A Nan sở bất văn kinh, tòng chư tỳ-kheo biên văn, hoặc chư thiên tử thuyết”.

(鈔)如報恩經言：阿難所不聞經，從諸比丘邊聞，或諸天子說。

(Sao: Như kinh Báo Ân chép: “Những kinh A Nan chưa được nghe, sẽ nghe từ nơi các tỳ-kheo, hoặc từ các thiên tử nói lại”).

“Thiên tử” thuở ấy là các vị hộ pháp của đức Phật. Các vị đại hộ pháp ấy cũng thường cùng nghe kinh. Sau khi nghe, các Ngài cũng có thể nói lại.

(Sao) Như Niết Bàn Kinh, nãi Hoằng Quảng Bồ Tát chi sở lưu thông cố.

(鈔) 如涅槃經，乃弘廣菩薩之所流通故。

(Sao: Như kinh Niết Bàn là do Hoằng Quảng Bồ Tát lưu thông).

Trong kinh Niết Bàn có chép, đức Phật bảo Văn Thù Bồ Tát: Tỳ-kheo A Nan là em họ ta, những kinh được giảng trong hai mươi năm trước đó thầy ấy chưa được nghe, sau khi ta nhập diệt, sẽ do Hoằng Quảng giúp thầy ấy lưu thông³. Vì vậy, có kinh văn làm chứng cứ cho [lời giải thích này]. Đây là “*triển chuyển văn*”.

(Sao) Nhị giả, Phật trùng thuyết, như Báo Ân Kinh ngôn: A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện. Kỳ tam, sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết cố.

(鈔) 二者佛重說，如報恩經言：阿難因佛命為侍者，乃求三願。其三，所未聞經，請佛重說故。

(Sao: Hai là do đức Phật nói lại, như kinh Báo Ân có chép: A Nan do được đức Phật sai làm thị giả, bèn xin được thỏa ba nguyện. Nguyện thứ ba là đối với những kinh chưa được nghe, xin đức Phật nhắc lại).

Đức Phật bảo Ngài làm thị giả, Ngài nêu ra ba điều kiện⁴, trong ấy, điều kiện thứ ba là “*những kinh chưa được nghe, xin Phật nhắc lại*”. Đức Phật cũng chấp nhận. Có những kinh đã giảng trong quá khứ, Ngài chưa

³ Điều này được chép trong quyển bốn mươi của kinh Đại Bát Niết Bàn,

⁴ Ba điều kiện ấy là: Chẳng nhận y cũ của đức Phật, chẳng theo Phật khi Phật được thỉnh riêng (tức là có những trường hợp thí chủ chỉ mời mình đức Phật thọ trai, không mời toàn bộ Thường Tùy Chúng), ba là những kinh chưa được nghe, xin đều được nhắc lại. Hai điều đầu nhằm tránh hiềm nghi, sợ có người dị nghị là vì cơm áo mà A Nan làm thị giả của đức Phật.

được nghe, có những kinh được đức Phật nhắc lại một lần, cho nên Ngài có cơ hội được nghe!

(Sao) Tam giả, A Nan tự thông.

(鈔) 三者阿難自通。

(Sao: Ba là A Nan tự thông hiểu).

Không nói, nhưng chính Ngài cũng hiểu rõ.

(Sao) Như Kim Cang Hoa Kinh ngôn: “A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, sở vị văn kinh, tự năng ỨC TRÌ”. Niết Bàn diệu vân: “Nhược tại, nhược bất tại, tự nhiên năng giải liễu cố”.

(鈔) 如金剛華經言：阿難得法性覺自在三昧，所未聞經，自能憶持。涅槃亦云：若在若不在，自然能解了故。

(Sao: Như kinh Kim Cang Hoa chép: “A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, đối với những kinh chưa nghe, tự mình có thể nhớ giữ”. Kinh Niết Bàn cũng nói: “Dù hiện diện hay không cũng tự nhiên có thể hiểu thấu suốt”).

Nói thật ra, A Nan là đại quyền Bồ Tát thị hiện, chẳng phải thật sự là Tiểu Thừa sơ học, Ngài cũng là đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, giống như diễn tuồng. Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh, Ngài tới giúp, đóng vai phụ, lẽ đâu chẳng hiểu rõ? Ngài hoàn toàn thông đạt, đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội. Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội là gì? Ngô Pháp Tánh, giống như nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh*” có cùng một ý nghĩa. Kiến tánh: Từ chân tánh khởi lên giác ngộ; Pháp Tánh là chân tánh, chẳng có bờ mé, cũng chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì thế, một người thật sự kiến tánh, chẳng có pháp thế gian hay xuất thế gian nào mà chẳng thông đạt. Thí dụ rõ rệt nhất là Thiền Tông Lục Tổ kiến tánh, cho nên có những thứ Ngài chưa từng nghe nhưng đều thông đạt, những thứ Ngài chưa xem qua, nhưng đều có thể nói được! Chỉ cần quý vị vừa nhắc tới, Ngài lập tức hiểu ngay, vì sao? Hết thầy các pháp đều do Pháp Tánh biến. Quý vị đã kiến tánh, lẽ nào chẳng thông? Vì thế, kiến tánh trọng yếu lắm!

Người như thế nào mới có thể kiến tánh? Nhất định phải tu Định, trong kinh này là tu nhất tâm bất loạn. Quý vị tu điều ấy, tâm thanh tịnh đến tột bậc, khởi tác dụng, gọi là “chiếu kiến”. Tâm giống như một tấm gương. Tấm gương ấy sạch lâu lâu, thứ gì cũng đều không có, khởi tác

dụng chiếu kiến. Chiếu kiến là trí huệ Bát Nhã, trí huệ thật sự. Mười phương ba đời không có một pháp nào chẳng biết, thấy đều chiếu kiến. Quý vị không nói, nó (cái tâm thanh tịnh ấy) chẳng có phân biệt, là bình đẳng, thanh tịnh. Quý vị vừa nói, nó lập tức có phản ứng, nó nói rõ chân tướng sự thật cùng quý vị. Vì thế, nói: “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết). Vô tri là khi nó chiếu kiến, “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tĩnh*”, giống như một tấm gương, soi rõ ràng, rành rẽ, chẳng nói một câu nào, mà cũng chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, cũng chẳng giữ lại ấn tượng, nhưng hiểu rõ ràng, rành rẽ. Kể khác hỏi người ấy, hướng về người ấy thỉnh giáo, người ấy bèn khởi tác dụng, khi khởi tác dụng, không gì chẳng biết! Do vậy, quý vị muốn cầu Chân Tri thứ gì cũng đều biết thì trước hết quý vị phải cầu thứ gì cũng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không giữ lại ấn tượng, cầu điều này. “*Vô tri*” chẳng phải vô tri theo kiểu hoàn toàn đần độn, chẳng biết gì cả. Đần độn là vô tri thật sự, còn [vô tri] ở đây là “không gì chẳng biết”. Khi chẳng khởi tác dụng là vô tri, khi khởi tác dụng là không gì chẳng biết. Đần độn là dù khởi tác dụng hay không khởi tác dụng đều chẳng biết, đó là sai lầm!

Chúng ta phải khôi phục trí huệ và đức năng trong tự tánh; dùng một câu Phật hiệu này sẽ có thể [khôi phục]. Nhất định phải buông hết thấy thân, tâm, thế giới xuống; không chỉ buông pháp thế gian xuống, mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Vì chẳng buông Phật pháp xuống, quý vị còn có chuyện tham luyến, tâm chẳng thanh tịnh. Do vậy, thấy đều phải buông xuống, đây mới là con đường đúng đắn để khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm. Ngài A Nan đã minh tâm kiến tánh, là bậc đại Bồ Tát tái lai; vì thế, đối với hết thấy các kinh do đức Phật đã giảng Ngài đều biết, chẳng nghe cũng biết.

(Sao) Tír giả, Thanh Lương chiết trung thượng tam, ngôn A Nan nãi đại quyền Bồ Tát, ảnh hưởng hoằng truyền. Như Bát Tư Nghị Cảnh Giới Kinh ngôn: Xá Lợi, Mục Liên, nãi chí A Nan đẳng, giai đại quyền Bồ Tát, hiện Thanh Văn thân, hà trệ ư tích, ngôn bất văn dã.

(鈔)四者清涼折衷上三，言阿難乃大權菩薩，影響弘傳。如不思議境界經言：舍利、目連乃至阿難等，皆大權菩薩現聲聞身，何滯於迹，言不聞也。

(Sao: Bốn, ngài Thanh Lương dung hội ba nghĩa trên đây, nói A Nan là bậc đại quyền Bồ Tát, [thị hiện trong thế giới Sa Bà] để tạo ảnh hưởng, hoằng truyền. Như kinh Bát Tư Nghị Cảnh Giới đã nói những vị

như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, cho đến A Nan v.v... đều là đại quyền Bồ Tát hiện thân Thanh Văn, há bị vướng mắc nơi hình tích, mà nói là [ngài A Nan] chẳng nghe u?)

Đây là Thanh Lương đại sư thuộc tông Hoa Nghiêm đã nói dung hòa ba ý nghĩa trên đây, Ngài nói cũng vô cùng hay! Như trong các vị đệ tử Phật, Xá Lợi Phất, Mục Liên đều là cô Phật tái lai. Chánh pháp trụ thế lợi ích nhân thiên, nhưng [để giữ cho chánh pháp trụ thế] chẳng dễ dàng! Chúng sanh thiếu phước, sẽ chẳng tin; vì thế, Phật đến thế giới này, ai sẽ theo gót Ngài? Nói cách khác, ai sẽ ủng hộ Ngài? Phàm phu chẳng nhận biết, cũng coi Ngài như phàm phu, chẳng ủng hộ Phật, cho nên mới có “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”, Phật pháp mới có thể hưng long, nhất định phải có người ủng hộ.

Thời kỳ Mạt Pháp, cho đến hiện thời, trong tâm chúng sanh tưởng gì? Tham, sân, si, mạn, hạ nghĩ tưởng những thứ ấy, đều là cầu pháp ngoài tâm. Vì thế, ma vừa thuyết pháp, đồ chúng cả ngàn vạn đều kéo đến. Vì sao? [Ma nghĩ]: “Kẻ khác mong cầu, ta bèn ban cho họ”. Hôm trước, tôi thấy một quyển sách, phía trước có hình Lô Thắng Ngạn đội mũ Tỳ Lô hết sức trang nghiêm đang giảng kinh Tài Thần nơi đó: “Mọi người chuộng phát tài, ta sẽ dạy mọi người phát tài ra sao!” Vì thế, mọi người đều kéo đến! Trong quá khứ, tôi ở Los Angeles nghe nói: Ông ta đến Los Angeles “hoàng pháp” là giảng kinh Tài Thần, người nghe phải mua vé vào cửa, mỗi vé hai mươi đồng Mỹ Kim, người ta xúm đen xúm đỏ đến nghe, ông ta thật sự phát tài. Vì sao? Mỗi cá nhân đều muốn phát tài, tưởng nghe giảng làm sao để phát tài sẽ có thể phát tài. Kết quả, chẳng phải là thính chúng phát tài, mà là ông ta (Lô Thắng Ngạn) phát tài! Các đồng học bên ấy bảo tôi: “Pháp sư! Nếu thầy giảng như vậy thì cũng phát tài”.

Chánh pháp là dạy người ta buông xuống hết thảy, ai bằng lòng? Không ai đến nghe cả! Bảo quý vị đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thảy đều buông xuống, bảo quý vị tu tâm thanh tịnh, đương nhiên thính chúng ít ỏi! Vì thế, chư Phật, Bồ Tát phải đến [hỗ trợ Phật]. Một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật đều là chư Phật và đại Bồ Tát đến sắm vai, đến diễn tuồng, cho đến các vị quốc vương, đại thần hộ pháp của đức Phật thảy đều là Bồ Tát tái lai. Như vua nước Xá Vệ là Ba Tư Nặc được nhắc đến trong kinh là Tứ Địa Bồ Tát thị hiện. Nếu không có những vị Phật và đại Bồ Tát ấy, ai nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật? Vì thế, chánh pháp quyết định chẳng chèo kéo, mê hoặc đại chúng, quyết định chẳng giở trò, chẳng diễn những trò xiếc để dụ dỗ, mê

hoặc chúng sanh, mà là bình phàm, chân thật chỉ dạy. Vì thế, chỉ có chư Phật và các vị đại Bồ Tát đến ủng hộ, đó gọi là “*một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”.

Tương suy trong thời Mạt Pháp, chúng sanh bạc phước, Phật cũng không tới, mà Bồ Tát cũng chẳng tới. Do vậy, Phật pháp suy thì hòa hợp Tăng đoàn chẳng có, mỗi người một đạo tràng, đúng là đáng buồn! Nói thật thà, trong Phật giáo chẳng phải là không có sức mạnh, chẳng phải là thiếu tiền tài, nhưng bị phân tán! Nếu những người xuất gia đều ở cùng một chỗ, sức mạnh sẽ được tập trung lại, tuyệt diệu lắm! Mỗi người dựng một chùa, đôi bên chẳng thể hợp tác với nhau, đương nhiên Phật pháp sẽ bị tiêu diệt, đây là đạo lý nhất định. Ai có thể cứu được? Không ai có thể cứu được! Vì sao có hiện tượng này? Ma đã nói với Phật rất rõ ràng! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ma Vương Ba Tuần đã nói với Phật: “Sẽ có ngày tôi tiêu diệt Phật pháp của Ngài”. Đức Phật cười bảo hắn: “Phật pháp là chánh pháp, ông chẳng thể diệt được!” Ma liền nói: “Đến thời kỳ Mạt Pháp, tôi sẽ bảo ma con, ma cháu thầy đều xuất gia, xâm nhập toàn bộ để tiêu diệt Phật pháp”. Đức Phật nghe nói, ứa lệ, hiện thời đúng là như vậy! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Vì thế, ngày nay chúng ta may mắn được nghe chánh pháp, sau khi nghe thì như thế nào? Độ chính mình là chánh yếu, đây là điều trọng yếu nhất. Chính chúng ta tìm được một sinh lộ, biết thật thà niệm Phật quyết định vãng sanh.

Từ ngày học Phật, tôi chẳng tán thành dựng đạo tràng, vì sao? Dựng đạo tràng sẽ có đấu tranh, sẽ có phiền phức, tôi đã thấy quá nhiều rồi. Trước đây, thầy Lý đã bảo tôi: Khi chúng ta lập đạo tràng, mỗi cá nhân bỏ tiền hoặc ra sức, cảm sỗ công đức đi hóa duyên bên ngoài, ai nấy đều là Bồ Tát, đồng lòng hiệp lực xây dựng đạo tràng. Sau khi dựng đạo tràng xong, mỗi người đều biến thành La Sát, vì sao? “Tôi hóa duyên được nhiều tiền hơn quý vị, tôi phải làm Trụ Trì”, “tuy tôi kém hơn ông, nhưng còn nhiều hơn bọn họ, tôi phải làm Đương Gia”. Trụ Trì, Đương Gia chùa miếu được chọn như thế nào? Xét coi ai hóa duyên được nhiều tiền hơn, lấy đó để xét, kẻ đó đạo đức ra sao chẳng cần bàn tới! Thậm chí, chẳng phục, tranh chấp, đấu tranh, tạo thành tình trạng ấy, tôi đã chính mắt thấy! Do vậy, đạo tràng ấy chẳng tạo dựng nên hồn! Dẫu cho đã xây dựng xong xuôi, tới lúc quý vị đã chết, đồ tử, đồ tôn đấu đá nơi đó. Mọi người tranh đoạt, tạo tội nghiệp! Còn có những nơi bị kẻ tại gia chiếm đóng; trong nhà vị [Trụ Trì, Đương Gia] ấy có các thân thích đến chiếm đóng, biến đạo tràng thành nơi ô uế! Tôi cũng đã từng thấy [chuyện này]. Tuy bản thân

vị ấy không có con cái, nhưng con cái của anh em, cháu trai bên nội, bên ngoại ùa tới, chiếm đoạt chùa miếu, người xuất gia bị đuổi đi, bọn họ mỗi ngày thu tiền nhang đèn ở đó, làm chuyện này. Đây là tướng suy của Phật môn trong thời Mạt Pháp.

Do vậy, tôi thường cổ vũ, khích lệ các đồng tu có tài lực, chủ trương quý vị cung cấp đạo tràng để làm gì? Cung cấp [nơi chốn] giảng kinh, tu hành, chủ quyền thuộc về quý vị, mọi người sẽ không tranh giành, cung thỉnh pháp sư hữu đức hữu học đến trụ trì. Đạo tràng của ta chẳng giao cho vị ấy, giao cho vị ấy chính là hại vị ấy. “Tôi thỉnh thầy đến làm trụ trì, hướng dẫn đại chúng tu hành, thầy bỏ đi, quyền sở hữu tài sản thuộc về tôi. Thầy tu tập tốt đẹp, tôi mời thầy trụ thêm mấy năm. Thầy tu tập lồi thối, tôi mời thầy trụ ba năm, thầy cuốn xéo đi, tôi lại thỉnh người khác”. Vậy thì người ấy trụ tại ở nơi nào cũng sẽ ngoan ngoãn tu học, vì sao? Chẳng tu học đàng hoàng, hết hạn ba năm, người ta chẳng mời ở tiếp nữa! [Cho nên] người ấy sẽ có đạo tâm. Giao đạo tràng cho người ấy, người ấy sẽ chẳng có đạo tâm, vì sao? Nơi này là của ta, ta làm sao thì làm, các người đừng hòng can thiệp, đạo tâm chẳng còn! Trước kia, người tu đạo thật sự có đạo tâm, vì sao? Tự viện, từng lâm là của chung, chẳng thuộc một ai. Quý vị thật sự có đạo đức, hoan nghênh quý vị đến trụ. Nếu quý vị thiếu đạo đức, trụ vài ngày, mời quý vị hãy rời đi, hãy cuốn xéo đi! Vì thế, người ấy nhất định phải giữ quy củ, nhất định phải thật sự tu hành thì mới được đạo tràng ấy hoan nghênh, mới có thể ở lâu dài về sau. Hiện thời là mỗi người một đạo tràng.

Tuy tôi ở Đài Loan nhiều năm như vậy, rất hồ thẹn. Ở Tân Gia Ba, tôi gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài nói: “Thầy từ Đài Loan tới, lẽ ra phải biết chuyện của Đài Loan”. Tôi thưa: “Xấu hổ quá, tôi không biết!” Sư kể cho tôi nghe, Ngài nói: “Rất nhiều pháp sư trẻ tuổi ở Đài Loan, xuất gia chẳng bao lâu, tự mình kiếm một số tín đồ, quyền góp mua một căn phòng ở chung cư, mệnh danh là tinh xá, tự mình mỗi người một căn”. Ngài nói ở nơi nọ, dường như có bảy tám chục chỗ đều giống như vậy, lấp điện thoại, chỗ nào có “Phật sự” cần mời, người ấy đến niệm kinh. Niệm xong, trở về, tự mình hưởng thụ một mình, chẳng bị ai cai quản, đều là kiểu đó, làm thế nào được! Vì thế, đối với chuyện truyền giới tại Đài Loan, Ngài rất chán ngán! Pháp sư Diễn Bồi bảo tôi: “Nếu cứ tiếp tục truyền như vậy, Phật giáo chẳng diệt vong cũng không được! Hình tượng đều bị phá sạch! Trước kia, người xuất gia phải học giới năm năm. Khi quý vị xuống tóc xuất gia, phải trụ trong chôn thường trụ tối thiểu năm năm, cũng có căn cơ vững vàng rồi mới có tư cách đi tham học. Đâu có như bây giờ, mỗi

người một đạo tràng, tẻ quá!” Đúng là một vị pháp sư tốt mới có thể nói ra những lời này!

Pháp sư Thánh Nhất ở Hương Cảng cũng là một người rất lỗi lạc, Ngài thường sang khuyến hóa tại Đại Lục, Phật giáo Đại Lục vô cùng tôn trọng Ngài. Có lần, Ngài bảo tôi: Ở Đại Lục có một ngôi chùa mới được khôi phục, họ chẳng biết làm theo cách nào, bèn thỉnh giáo Ngài. Họ nêu ý kiến là trong chùa miếu hiện thời, mỗi vị thường trụ có một phòng riêng, tức là mỗi người có một liêu phòng. Pháp sư Thánh Nhất nghe xong hết sức phản đối, Ngài bảo: “Chẳng thể được! Chùa miếu Trung Quốc từ xưa tới nay đều là ở theo lối quảng đơn”. “*Quảng đơn*”⁵ là phòng ngủ chung. Sư nói: “Mỗi người ở một phòng, đóng cửa lại, kẻ ấy làm gì ai thấy? Mỗi người ở riêng một phòng, chắc chắn tu không thành công, vì sao? Tập khí khuyết điểm đều xuất hiện!” Do vậy, những vị tiên bối ở Đại Lục nghe lời Ngài, chẳng cất liêu phòng cho mỗi cá nhân, thay đều làm phòng ngủ chung. Vì thế, người tu hành ban ngày ở chung chỗ, mọi người nhìn thấy quý vị. Tôi đi ngủ, cũng là mỗi người thấy kẻ khác, như vậy thì mới có thể dần dần đoạn hết tập khí từ vô thi kiếp; đó là đúng! Chẳng phải là nói chúng ta ngày nay hưởng thụ cuộc sống vật chất dư dả, mỗi người có thể ở một phòng, lại còn một suite, hay thì hay đấy, nhưng là vào tam đồ ác đạo, chẳng thể đến Tây Phương! [Muốn] tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn phải ở trong phòng ngủ tập thể, trụ quảng đơn! Đừng nói chi khác, ở trong phòng ngủ tập thể, tôi nghĩ mức độ thấp nhất là mỗi sáng phải xếp mền, đệm rất ngăn nắp. Nếu không, vừa nhìn sẽ thấy lộn xộn, chính quý vị cũng cảm thấy rất đáng thẹn! Nhưng mỗi người một phòng, không sao hết, đóng cửa phòng lại, cũng chẳng có ai nhìn thấy, đôi chút tập khí lười nhác sẽ không sửa được! Vì thế, pháp sư Thánh Nhất nói rất có lý, Ngài nói: “Người tu hành ở mỗi người một phòng sẽ chẳng thể nào thành tựu được!”

Đoạn này nói những đệ tử đức Phật, cho đến các vị hộ pháp đều là chư Phật, Bồ Tát thị hiện, có thể thấy người thật sự có đạo tâm, sẽ chẳng chú trọng danh lợi, chẳng quan tâm đến địa vị, chúng ta chỉ cần làm tốt chuyện này là được rồi, giống như diễn tuồng, đồ đệ, học trò đóng vai

⁵ Gọi là “*quảng đơn*” vì xưa kia chư Tăng không có giường. Mỗi người nằm ngủ trên một tấm ván vừa với thân mình, nên gọi là “*đơn*”. Chùa lớn có nhiều liêu phòng, nhưng mỗi liêu phòng là một phòng ngủ lớn, có kê nhiều đơn; vì thế, gọi là “*quảng đơn*”. Dưới mỗi đơn, là một tráp nhỏ đựng quần áo và các đồ dùng cá nhân lặt vặt, thậm chí không có tủ riêng.

chánh, thầy ở bên cạnh gõ trống, chạy cờ. Họ là thầy, chẳng quan tâm đến thân phận, địa vị, nhất định phải diễn vở hát cho thật hay!

Phật pháp trong thế gian nhất định phải có thể thật sự lợi ích chúng sanh, phải chú trọng điều này, bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình, Phật pháp sẽ hưng vượng. Vì vậy, Phật pháp là đạo thầy trò, điều này rất khó! Hiện thời, truyền pháp chẳng dễ dàng, người hiện thời xử sự theo cảm tình, lôi kéo tín đồ, phải khéo quan sát về mặt tín đồ, phải bỏ đỡ tín đồ thì tín đồ mới đến! Nếu quý vị chẳng bỏ đỡ họ đôi chút, [họ sẽ so đo] người trong chùa kia đối xử tốt đẹp, lịch sự với ta như vậy, tại sao ta phải đến chùa này? Ta đến chùa kia chẳng hay hơn ư? Trước kia, thầy Lý ở Đài Trung đã hết sức cảm thán, liên hữu ở Đài Trung bị kẻ khác kéo đi, vì sao? Đạo tràng người ta khách đến như trở về nhà, được hầu hạ chẳng thiếu sót điều nhỏ nhặt nào, thoải mái lắm! Thầy Lý giảng kinh, thuyết pháp, mỗi ngày chửi người khác: “Thôi! Ông hằng ngày chửi tôi, bên kia họ tâng bốc tôi, lẽ gì tôi đến nghe ông chửi?” Vì thế, bỏ đi khá nhiều! Đúng là đáng cảm khái ngàn vạn phần! Do vậy, chúng ta nghĩ đến “*ngàn vị Phật ủng hộ*”, cùng nhau kiến lập chánh pháp trong thế gian này, các đồng tu chúng ta phải ghi nhớ. Đạo tràng này của chúng ta chẳng lôi kéo tín đồ, có thể đến nơi đây cùng nhau nghiên cứu, mọi người đều có phước báo. Không có phước báo, sẽ chẳng thể tham dự thánh hội này! Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!